TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13/5/2026
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Vĩnh .

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Thoa;

Ông Hồ Ngọc Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Minh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 05 năm 2026, tại: Phòng xét xử của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2026/TLST - HNGĐ ngày 27/01/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 08/4/2026, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên toà số 38/2026/TB-TDTGXX ngày 13/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2026/QĐST - HNGĐ ngày 28/4/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1973; địa chỉ nơi cư trú: Thôn X, xã V, tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trương H, sinh năm: 1972; địa chỉ nơi cư trú: Thôn H, xã V, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 01 năm 2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

- Về tình cảm: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Trương H đăng ký kết hôn tự nguyện, hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V (nay là xã V), tỉnh Quảng Trị vào ngày 21/01/1998 Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn H, xã V, tỉnh Quảng Trị thời gian đầu hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn, với lý do: Tính tình không hợp nhau, thường xảy ra cải vã, hiện nay đã không còn sống chung với nhau. Nay, bà T nhận thấy cuộc sống chung giữa vợ chồng không thể tiếp tục được, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên bà T có nguyện vọng xin được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Đã thành niên.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Trương H: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Trương H nhưng anh H không có mặt để giải quyết vụ việc và đồng thời không gửi cho Toà án ý kiến của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Đương sự đã cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình, Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ để xem xét quá trình sinh sống và quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông H tại địa phương. Trưởng thôn Hiền D, xã V, tỉnh Quảng Trị xác nhận ông H thường xuyên vắng mặt nơi cư trú và không rõ thời điểm trở về, ông H, bà T không còn sống chung với nhau.

Tại phiên toà: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Toà án xét xử. Bị đơn ông Nguyễn Trương H: Vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định, đảm bảo để nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Trương H. Về con chung: Đã thành niên. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Nguyễn Trương H không có ý kiến gì, nên đề nghị không xét. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Trương H. Căn cứ nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Nguyễn Trương H có nơi đăng ký cư trú tại thôn H, xã V, tỉnh Quảng Trị. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày

25/6/2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn ông Nguyễn Trương H, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Trương H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị vào ngày 21/01/1998 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo trình bày của bà T, sau thời gian chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống và cách ứng xử trong gia đình. Mâu thuẫn kéo dài dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, đời sống chung không còn hạnh phúc; hiện nay bà T và ông H đã không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc, thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông H để tiến hành làm việc, hòa giải nhưng ông H đều vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Điều này thể hiện bị đơn không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc quan hệ hôn nhân tồn tại kéo dài trên danh nghĩa.

Mặt khác, kết quả xác minh tại địa phương đối với trưởng thôn H, xã V, tỉnh Quảng Trị nơi bà T và ông H cư trú thể hiện: Sau khi kết hôn, ông bà có thời gian chung sống hòa thuận, tuy nhiên về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã và hiện nay không còn sống chung; ông H thường xuyên vắng mặt tại địa phương.

Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của bà T phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Điều đó cho thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa bà T và ông H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Trương H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Theo trình bày của bà Nguyễn Thị T và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bà T và ông H có 02 người con chung đều đã thành niên và có đầy đủ khả năng lao động, không thuộc trường hợp cần được cấp dưỡng hoặc chăm sóc theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài

sản; bị đơn ông Nguyễn Trương H vắng mặt, không có ý kiến gì đối với nội dung này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận boàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T ly hôn với ông Nguyễn Trương H.

2. Về con chung: Đã thành niên.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu số tiền: 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số: 0000461 ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Trương H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 8;
- Phòng THADS Khu vực 8;
- UBND xã Gio Linh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Vĩnh